TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 466/2022/DS-PT
Ngày: 18-11-2022
"V/v tranh chấp dân sự- vay tài sản";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng;
Ông Phạm Minh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 18/11/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về "*Tranh chấp dân sự- hợp đồng vay tài sản*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2021/DS-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 329/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953,

Địa chỉ: 227/5, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là: ông Phạm Văn K - Là luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Văn Kthuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:*

1/ Ông Lê Hoàng H1, sinh năm 1958.
2/ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: 244/6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Hoàng Thiện T- Sinh năm 1981; Địa chỉ: 244/96, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2018 bà H có cho vợ chồng ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L vay 03 lần với tổng số tiền 220.000.000đ, lãi suất 5%/01 tháng, thời hạn 03 tháng, cụ

thể như sau:

Lần 01: Vào ngày 14/2/2018 (29/12/2017al), bà H có cho ông H1, bà L vay 100.000.000đ, có biên nhận, thời hạn 03 tháng, lãi suất 5%/tháng, từ lúc vay đến nay chưa trả vốn và lãi.

Lần 02: Vào ngày 19/5/2018 (05/4/2018al), bà H có cho ông H1 vay 50.000.000đ, có biên nhận, thời hạn 03 tháng, lãi suất 5%/tháng, từ lúc vay đến nay chưa trả vốn và lãi.

Lần 03: Vào ngày 07/8/2018 (26/6/2018al), bà H có cho ông H1, bà L vay 70.000.000đ, có biên nhận, thời hạn 02 tháng trả, lãi suất 5%/tháng, từ lúc vay đến nay chưa trả vốn và lãi.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông H1 và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà H vốn 100.000.000đ, lãi từ ngày 14/02/2018 đến 31/5/2021, tính tròn 39 tháng là 78.000.000đ (100.000.000đ x 2%/ tháng x 39 tháng); vốn 50.000.000đ, lãi từ ngày 19/5/2018 đến 31/5/2021, tính tròn 36 tháng là 36.000.000đ (50.000.000đ x 2%/ tháng x 34 tháng) và vốn 70.000.000đ, lãi từ ngày 7/8/2018 đến 31/5/2021, tính tròn 33 tháng là 46.200.000đ (70.000.000đ x 2%/ tháng x 33 tháng). Cộng vốn và lãi 380.200.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

2. Bị đơn ông Lê Hoàng H1 trình bày:

Vào ngày 14/2/2018 (29/12/2017al) ông và vợ ông tên Lan có đến nhà bà H, con bà H là Nguyễn Ngọc Hậu đọc nội dung yêu cầu ông trực tiếp viết biên nhận vay 100.000.000đ, ông, bà L có ký tên và ghi họ tên, lãi suất 5%/tháng, hẹn 03 tháng trả nhưng thực tế ông không có vay và nhận tiền của bà H mà do con ông là Lê Hoàng Thiện T nợ bà H 30.000.000đ, bà H đòi xiết nhà con ông nên ông mới viết biên nhận nợ này.

Vào ngày 19/5/2018 (05/4/2018al) ông có đến nhà bà H, con bà H là Nguyễn Ngọc H2 đọc nội dung yêu cầu ông trực tiếp viết biên nhận vay 50.000.000đ, ông có ký tên và ghi họ tên, lãi suất 5%/tháng, hẹn 03 tháng trả nhưng thực tế ông không có vay và nhận tiền của bà H mà do con ông là Lê Hoàng Thiện T nợ bà H 30.000.000đ và đóng lãi nhưng không đủ, số tiền vay 50.000.000đ này do bà H kê lãi từ nợ gốc 100.000.000đ.

Vào ngày 07/8/2018 (26/6/2018al) ông và vợ ông tên L có đến nhà bà H, con bà H là Nguyễn Ngọc H2 đọc nội dung yêu cầu ông trực tiếp viết biên nhận vay 70.000.000đ, ông, bà L có ký tên và ghi họ tên, lãi suất 5%/tháng, hẹn 02 tháng trả nhưng thực tế ông không có vay và nhận tiền của bà H mà do con ông là Lê Hoàng Thiện T nợ bà H và đóng lãi không đủ, số tiền vay 70.000.000đ này do bà H kê lãi từ nợ gốc 100.000.000đ.

Tất cả 03 biên nhận trên con bà H tên H2 đọc nội dung cho ông viết, ông có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nhưng thực tế ông không có vay và nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà H, mà do con ông tên Lê Hoàng Thiện T nợ bà H 30.000.000đ, chưa trả vốn và đóng lãi không đủ, bà H đòi xiết nhà con ông nên ông mới viết các biên nhận này. Nay ông không đồng ý trả vốn và lãi cho bà H, ngoài ra không trình bày gì khác.

3. Bị đơn bà Phạm Thị L trình bày: bà là vợ của ông H1, bà thống nhất lời trình bày của ông H1 là đúng, bà có ký tên và ghi họ tên vào các biên nhận ngày

14/02/2018 và 7/8/2018 nhưng bà không có vay và nhận tiền của bà H nên không đồng ý trả vốn và lãi, ngoài ra không trình bày gì thêm.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Hoàng Thiện T trình bày: Anh có vay tiền của bà H tổng cộng 03 lần với số tiền 100.000.000đ như sau:

Lần 01: Vào tháng 05/2017, bà H cho anh vay số tiền 30.000.000đ, có biên nhận do con bà H là anh Hậu đọc cho anh viết, anh có ký tên vào biên nhận, bà H đang giữ biên nhận, anh không có biên nhận này, lãi suất 1.000.000đ là 10.000đ/ngày, anh đóng lãi 90 ngày là 27.000.000đ (không có biên nhận), mục đích vay là mua bán đồ điện tử.

Lần 02: Vào tháng 7/2017al, anh tiếp tục vay của bà H 40.000.000đ, có biên nhận do con bà H là anh Hậu đọc cho anh viết, anh có ký tên vào biên nhận, bà H đang giữ biên nhận, anh không có biên nhận này, lãi suất 1.000.000đ/ngày là 10.000đ. Anh đã đóng lãi 105 ngày là 42.000.000đ (không có biên nhận).

Lần 03: Ngày 29/12/2017, anh tiếp tục vay của bà H 30.000.000đ, có biên nhận do con bà H là anh H2 đọc cho anh viết, anh có ký tên vào biên nhận, bà H đang giữ biên nhận, anh không có biên nhận này, lãi suất 1.000.000đ/01 ngày là 10.000đ.

Anh không có chứng kiến việc cha mẹ anh là ông H1 và bà L ký tên vay 100.000.000đ của bà H vào ngày 29/12/2017, nhưng anh có nhờ cha mẹ anh là ông H1, bà L đến nhà bà H để nói về khoản vay của anh, sau đó bà H yêu cầu cha mẹ anh ký tên vào biên nhận vay 100.000.000đ nhưng thực tế cha mẹ anh không có vay và nhận tiền của bà H. Lý do cha mẹ anh ký vào biên nhận này là do bà H và con bà H là anh H2 bắt buộc viết biên nhận, số tiền cha mẹ anh ký vào biên nhận này là số tiền lãi của 100.000.000đ do anh vay của bà H trước đó.

Vào ngày 05/4/2018al (19/5/2018) anh không chứng kiến cha anh ký nhận nợ 50.000.000đ của bà H mà anh có nhờ ông H1 đến nhà bà H nói về khoản vay anh nợ trước đó nhưng bà H không đồng ý mà bà H và anh H2 bắt buộc cha anh viết biên nhận vay 50.000.000đ nhưng thực tế cha anh không vay và nhận số tiền này của bà H mà phát sinh từ lãi của 100.000.000đ do anh vay của bà H trước đó.

Ngoài ra, vào ngày 26/6/2018al (07/8/2018) ông H1, bà L tiếp tục viết và ký biên nhận vay 70.000.000đ của bà H là do anh nhờ ông H1, bà L đến nhà bà H nói về khoản vay của anh trước đó nhưng bà H không đồng ý mà bắt buộc cha mẹ anh ký nhận nợ nhưng cha mẹ anh không có nhận số tiền vay này mà do phát sinh từ lãi của 100.000.000đ do anh vay của bà H trước đó.

5. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L có trách nhiệm liên đới trả vốn và lãi cho bà Nguyễn Thị H 221.543.000đ (hai trăm hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Buộc ông Lê Hoàng H1 có trách nhiệm trả vốn và lãi cho bà Nguyễn Thị H 64.940.000đ (sáu mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn thời hạn chậm thực hiện nghĩa vụ, tuyên về án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H1, bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà L, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn là ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L về việc yêu cầu ông H1, bà L về việc trả nợ vay nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự - hợp đồng vay tài sản" là phù hợp với quy định khoản 3 tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H1, bà L là bị đơn không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo. Tòa án Tỉnh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của ông H1, bà L và anh T tại phiên tòa phúc thẩm thì chứng tỏ rằng ông H1, bà L có vay tiền của bà H. Ông H1, bà L cho rằng tiền này là do anh T vay, anh T thì thừa nhận có vay tiền của bà H. Nhưng ý kiến trình bày của ông H1, bà L và anh T không được bà H thừa nhận; Bà H cho rằng: Tiền vay của ông H1, bà L không có liên quan gì đến khoản vay của anh T, trước đây Tâm có vay tiền của bà H (có biên nhận riêng), do anh T không trả nợ nên bà H đã khởi kiện anh T và đã được giải quyết xong; Do đó, việc ông H1, bà L cho rằng khoản vay mà bà H đang khởi kiện đối với ông, bà là khoản vay của T là không có cơ sở;

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H1, bà L và anh T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh rằng chỉ có vay của bà H một khoản vay là số tiền 100.000.000đ, chứ không phải số tiền vay 220.000.000đ như bà H đã trình bày. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà L.

Đối với phần tiền vốn, lãi vay, tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H yêu cầu ông H1 và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả vốn, lãi vay tại các biên nhận ngày 14/02/2018, 19/5/2018 và 7/8/2018, với mức lãi suất là 0,83%/tháng đối với từng khoản vay. Tuy nhiên, đối với biên nhận ngày 19/5/2018 chỉ có ông H1 viết và ký tên vào biên nhận. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không buộc bà L có trách nhiệm liên đới cùng ông H1 trả nợ cho bà H đối với khoản vay này là phù hợp;

Đối với biên nhận ngày 14/02/2018, lãi 32.370.000đ (vốn 100.000.000đ x 39 tháng x 0,83%).

Đối với biên nhận ngày 19/5/2018, lãi 14.940.000đ (vốn 50.000.000đ x 36 tháng x 0,83%).

Đối với biên nhận ngày 7/8/2018, lãi 19.173.000đ (vốn 70.000.000đ x 33 tháng x 0,83%).

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà H. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

Do không chấp nhận yêu cầu của kháng cáo của ông H1, bà L nên ông H1, bà L phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận;

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện L;

***Tuyên xử:**

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L có trách nhiệm liên đới trả vốn vay là 170.000.000đồng và tiền lãi là 51.543.000đồng cho bà Nguyễn Thị H. Tổng cộng tiền vốn, lãi là 221.543.000đ (hai trăm hai mươi mốt triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Buộc ông Lê Hoàng H1 có trách nhiệm trả tiền vốn 50.000.000đ và số tiền lãi là 14.940.000đ cho bà Nguyễn Thị H; Tổng cộng tiền vốn, lãi là 64.940.000đ (sáu mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi mức lãi suất theo quy định tại Điều 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

- Về án phí, tạm ứng án phí:

Ông Lê Hoàng H1 và bà Phạm Thị L liên đới chịu 11.077.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Ông Lê Hoàng H1 chịu 3.247.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H 6.240.000đ (sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002668, ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông H1, bà L có đơn xin miễn nộp án phí và ông, bà thuộc trường hợp được miễn nộp nên ông H1, bà L không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

ản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. Lai Vung;
- Chi cục THADS H. Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh